TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG KHIẾU - TUYỂN SINH NĂM 2022
NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH ĐIỆN ẢNH
Đợt thi từ ngày 02/8/2022 đến ngày 04/8/2022

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
1	27	PHAN HOÀNG ANH	Nam	20/07/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
2	28	NGUYỄN XUÂN HÙNG ANH	Nam	24/01/1997	2020	KV3	0.00			8.25	8.25	24.75	Trúng tuyển
3	29	BÙI NGUYỄN DUY ANH	Nữ	15/11/2004	2022	KV2	0.25			3.75	4	11.75	-
4	30	HUỲNH QUỐC ANH	Nam	24/02/2003	2021	KV2	0.25			7.5	7.5	22.75	Trúng tuyển
5	31	NGUYỄN MINH NAM ANH	Nam	19/06/2002	2020	KV2	0.25			8.25	7.75	24.50	Trúng tuyển
6	32	THỊNH THỊ VÂN ANH	Nữ	26/11/2001	2019	KV3	0.00			4	3.75	11.75	-
7	33	TRẦN HOÀNG ANH	Nam	22/01/2022	2022	KV2	0.25			4	4	12.25	-
8	34	TRẦN PHAN HỒNG ANH	Nữ	10/09/2003	2021	KV2	0.25					0.25	-
9	37	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/11/2004	2022	KV2-NT	0.50			7.5	7	22.50	Trúng tuyển
10	44	QUÁCH GIA BẢO	Nam	26/03/2003	2021	KV3	0.00			8	8	24.00	Trúng tuyển
11	46	TRẦN NGỌC BẢO	Nam	13/01/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-
12	51	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	19/11/2003	2022	KV2-NT	0.50			5.5	5.5	17.00	Trúng tuyển
13	52	VÕ MINH CẢNH	Nam	04/03/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
14	54	LA HỒNG CẨM	Nữ	28/08/2003	2021	KV1	0.75			3.5	3.75	11.50	-
15	61	LÊ HỮU CƯỜNG	Nam	03/10/2003	2021	KV2	0.25			3.5	3.75	11.00	-
16	62	TÔN BÍCH CHĂM	Nữ	22/05/2003	2021	KV1	0.75					0.75	-
17	64	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	08/05/2002	2021	KV1	0.75			6.5	6.5	20.25	Trúng tuyển

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
18	**65**	PHAN HUỲNH HOÀNG CHÂU	Nữ	15/04/2004	2022	KV3	0.00			4	3.75	11.75	-
19	**66**	LÊ PHẠM VŨ HUỲNH CHÂU	Nữ	24/08/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
20	**67**	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	Nữ	19/12/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
21	**71**	NGUYỄN THANH CHÍ	Nam	07/12/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
22	**75**	NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG	Nam	17/11/2003	2021	KV2-NT	0.50			7.25	7.25	22.25	Trúng tuyển
23	**79**	PHẠM TRẦN HUYỀN DIỆU	Nữ	11/01/2004	2022	KV1	0.75			4	4	12.75	-
24	**83**	TRẦN THỊ KIM DUNG	Nữ	08/04/2004	2022	KV2	0.25			7	6.5	20.75	Trúng tuyển
25	**91**	PHẠM TƯỜNG DUY	Nam	29/12/1999	2020	KV1	0.75			3.75	4	12.25	-
26	**92**	NGUYỄN MINH DUY	Nam	19/05/2003	2021	KV2-NT	0.50					0.50	-
27	**93**	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG DUY	Nữ	05/10/2003	2021	KV2-NT	0.50			7.75	7.75	23.75	Trúng tuyển
28	**808**	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH DUY	Nam	26/02/2003	2021	KV2	0.25			5.25	5.25	16.00	-
29	**101**	NGUYỄN NGỌC KỲ DUYÊN	Nữ	07/12/2003	2021	KV3	0.00			8	8.25	24.25	Trúng tuyển
30	**811**	PHẠM HỒNG DUYÊN	Nữ	15/11/2003	2021	KV2-NT	0.50			3.75	3.75	11.75	-
31	**107**	NGUYỄN HOÀI DƯƠNG	Nam	24/01/2003	2021	KV1	0.75			7.25	7	22.25	Trúng tuyển
32	**109**	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	14/02/2003	2021	KV1	0.75			7	7	21.75	Trúng tuyển
33	**110**	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	27/09/2002	2020	KV2-NT	0.50			5.5	5.25	16.75	Trúng tuyển
34	**117**	TRẦN THỊ HỒNG ĐÀO	Nữ	21/11/2003	2021	KV3	0.00					0.00	-
35	**123**	LÊ VĂN CHÍ ĐẠT	Nam	06/08/2003	2021	KV2-NT	0.50			7.5	7.5	23.00	Trúng tuyển
36	**124**	TRẦN VĨNH ĐẠT	Nam	03/09/2004	2022	KV1	0.75			4	4	12.75	-
37	**125**	MAI TẤN HẢI ĐĂNG	Nam	26/10/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
38	**137**	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	Nam	12/08/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
39	**138**	HUỲNH VĂN ĐỒNG	Nam	20/11/2000	2019	KV2	0.25			5.5	5.5	16.75	Trúng tuyển
40	**144**	VÕ TẤN ĐỨC	Nam	02/01/2004	2022	KV1	0.75			5.5	5.5	17.25	Trúng tuyển
41	**149**	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/06/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
42	**151**	HỒ THỊ MỸ GIANG	Nữ	24/07/2004	2022	KV2-NT	0.50			3.25	3.25	10.25	-
43	**166**	TRẦN VĨ HÀO	Nam	20/01/2004	2022	KV2	0.25			8.75	8.75	26.50	Trúng tuyển
44	**167**	ĐOÀN THỊ TÚ HẢO	Nữ	25/10/2000	2018	KV3	0.00			3.75	4	11.50	-
45	**168**	LẠI THỊ THU HẰNG	Nữ	25/05/2003	2021	KV1	0.75			7	7	21.75	Trúng tuyển
46	**174**	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	01/01/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
47	**175**	TRẦN BẢO HÂN	Nữ	05/10/2004	2022	KV1	0.75			7.75	8	24.25	Trúng tuyển
48	**178**	TRẦN CÔNG HẬU	Nam	08/04/2004	2022	KV1	0.75			4	3.75	12.50	-
49	**187**	HUỲNH MÌNH HIẾU	Nam	08/11/2003	2021	KV3	0.00					0.00	-
50	**188**	NGUYỄN NHÂN HIẾU	Nam	21/12/2004	2022	KV1	0.75			4	4	12.75	-
51	**189**	LÊ TRIỆU THÚY HÒA	Nữ	17/11/2004	2022	KV3	0.00			7.5	8.25	23.25	Trúng tuyển
52	**200**	ĐINH ĐỨC HOÀNG	Nam	27/03/1997	2017	KV3	0.00			4	4	12.00	-
53	**201**	LÊ CHÍ HOÀNG	Nam	13/03/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
54	**202**	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	14/07/2003	2021	KV2-NT	0.50					0.50	-
55	**208**	LÊ MINH HÙNG	Nam	31/01/2004	2022	KV1	0.75	06	1.00	4	4	13.75	-
56	**225**	VƯƠNG QUỐC HUY	Nam	22/04/2003	2021	KV2-NT	0.50			7.25	7.25	22.25	Trúng tuyển
57	**226**	TRƯƠNG VĂN QUANG HUY	Nam	26/07/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-
58	**230**	LÂM GIA HUY	Nam	15/10/2004	2022	KV1	0.75			4	4	12.75	-
59	**231**	NGUYỄN MAI HUY	Nam	24/05/2005	2022	KV2-NT	0.50			4	3.75	12.25	-
60	**232**	TRẦN GIA HUY	Nam	07/08/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
61	**233**	TRƯƠNG QUANG HUY	Nam	24/05/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
62	**239**	VÕ SĨ HUỲNH	Nam	31/12/2002	2020	KV1	0.75					0.75	-
63	**243**	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	07/05/2004	2022	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
64	**244**	VÕ THỊ CẨM HƯƠNG	Nữ	06/11/2004	2022	KV3	0.00			5.25	5.25	15.75	-
65	**246**	NGÔ XUÂN MINH HƯƠNG	Nữ	17/11/1999	2017	KV3	0.00			7.5	8	23.00	Trúng tuyển

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
66	**249**	TRẦN VĂN KIÊN	Nam	06/12/1999	2017	KV1	0.75					0.75	-
67	**251**	HUỲNH HIẾU KIẾT	Nam	16/06/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
68	**257**	NGUYỄN HOÀNG THẾ KIỆT	Nam	09/12/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
69	**258**	TRƯƠNG THANH MỸ KIM	Nữ	01/04/2004	2022	KV3	0.00			3.75	3.75	11.25	-
70	**261**	HỒ VĂN KỴ	Nam	16/11/2002	2020	KV2-NT	0.50					0.50	-
71	**266**	NGUYỄN MINH KHA	Nam	02/07/2003	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
72	**274**	PHAN HỒ VĨNH KHANG	Nam	16/08/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
73	**278**	HUỲNH CHÍ KHANH	Nam	20/05/2004	2022	KV2	0.25			7.5	7.75	23.00	Trúng tuyển
74	**279**	TRẦN QUANG CHÂU KHANH	Nam	12/05/2003	2022	KV3	0.00			6.5	6.75	19.75	Trúng tuyển
75	**284**	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	15/11/2002	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
76	**285**	TRẦN BỈNH KHIÊM	Nam	24/04/2004	2022	KV2-NT	0.50			7	7.25	21.75	Trúng tuyển
77	**289**	ĐẶNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	13/02/2001	2019	KV2	0.25			5.25	5.5	16.25	-
78	**290**	TRẦN ĐỨC KHOA	Nam	10/08/2003	2021	KV3	0.00			7.5	6.75	21.75	Trúng tuyển
79	**292**	TRƯƠNG MINH KHÔI	Nam	13/12/2001	2019	KV3	0.00					0.00	-
80	**295**	NGUYỄN NHƯ KHUÊ	Nữ	06/05/2000	2018	KV3	0.00			7.75	8.25	23.75	Trúng tuyển
81	**297**	TẠ THẾ KHƯƠNG	Nam	27/01/2003	2022	KV2	0.25			7	7	21.25	Trúng tuyển
82	**299**	NGUYỄN THỊ THANH LAM	Nữ	01/08/2003	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
83	**300**	NGUYỄN THI LAN	Nữ	14/09/2001	2019	KV1	0.75			7.25	7.5	22.75	Trúng tuyển
84	**305**	PHAN NGỌC PHA LÊ	Nữ	28/11/2001	2020	KV1	0.75			7.5	7.25	23.00	Trúng tuyển
85	**306**	NGUYỄN TRỌNG LỄ	Nam	15/10/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
86	**317**	VÕ KHÁNH LINH	Nữ	24/11/2004	2022	KV2-NT	0.50			7.25	7	22.00	Trúng tuyển
87	**319**	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	Nữ	03/07/2004	2022	KV2	0.25			4	4	12.25	-
88	**320**	VÕ PHƯƠNG LINH	Nữ	29/03/2004	2022	KV1	0.75			5.5	5.5	17.25	Trúng tuyển
89	**321**	TẠ QUANG LINH	Nam	17/03/2003	2021	KV2	0.25					0.25	-

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
90	**322**	TRẦN VĂN LINH	Nam	13/11/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
91	**326**	NGUYỄN NGÔ BẢO LONG	Nam	19/08/2002	2020	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
92	**327**	PHẠM HOÀNG LONG	Nam	01/09/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
93	**809**	NGUYỄN TRẦN NHẬT LONG	Nam	09/10/2003	2021	KV3	0.00			8	8	24.00	Trúng tuyển
94	**328**	PHAN VIỆT LONG	Nam	29/11/2002	2021	KV2	0.25			4	4	12.25	-
95	**333**	LƯƠNG TẤN LỘC	Nam	21/11/2003	2022	KV1	0.75			5.5	5.5	17.25	Trúng tuyển
96	**339**	NGUYỄN MINH LUÂN	Nam	04/02/2000	2018	KV2-NT	0.50			3.5	3.5	11.00	-
97	**340**	LÊ ANH LƯƠNG	Nam	22/07/2002	2020	KV2	0.25					0.25	-
98	**346**	ĐINH THẢO LY	Nữ	21/07/1999	2017	KV1	0.75			7	7	21.75	Trúng tuyển
99	**351**	DƯƠNG TRÚC MAI	Nữ	18/02/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-
100	**359**	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	08/09/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
101	**368**	LÊ THỊ KIỀU MY	Nữ	18/11/2003	2021	KV2-NT	0.50					0.50	-
102	**369**	PHẠM NỮ UYỂN MY	Nữ	17/03/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
103	**371**	TRẦN NGỌC MY	Nữ	02/12/2002	2020	KV3	0.00					0.00	-
104	**380**	ĐỖ VĂN NAM	Nam	26/12/2003	2021	KV2-NT	0.50					0.50	-
105	**381**	HUỲNH HẠO NAM	Nam	28/07/2002	2020	KV2	0.25					0.25	-
106	**383**	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	20/05/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
107	**385**	NGUYỄN BẢO NY	Nữ	11/11/2001	2019	KV2-NT	0.50			3.75	4	12.00	-
108	**393**	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	Nữ	21/02/2004	2022	KV2	0.25			3.75	3.5	11.25	-
109	**402**	LÊ TRUNG NGHĨA	Nam	25/01/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
110	**407**	NGUYỄN KIM NGỌC	Nữ	29/05/2003	2022	KV2-NT	0.50			5.5	5.5	17.00	Trúng tuyển
111	**408**	LƯƠNG THẾ NGỌC	Nam	06/12/2001	2020	KV1	0.75			5.25	5.5	16.75	Trúng tuyển
112	**409**	NGUYỄN KIM NGỌC	Nữ	09/10/2004	2022	KV2-NT	0.50			3.75	3.75	11.75	-
113	**410**	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	03/12/2003	2021	KV2-NT	0.50			5.5	5.5	17.00	Trúng tuyển

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
114	**411**	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	22/06/2003	2021	KV1	0.75			3.5	4	11.75	-
115	**413**	TRẦN THỊ THANH NGỌC	Nữ	27/03/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
116	**419**	LƯƠNG HẢI NGUYÊN	Nữ	31/10/2000	2018	KV2	0.25					0.25	-
117	**420**	NGUYỄN THANH NGUYÊN	Nam	01/01/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-
118	**422**	TRẦN THỊ KIM NGUYÊN	Nữ	19/09/2002	2020	KV2	0.25			5.5	5.5	16.75	Trúng tuyển
119	**423**	TRẦN THỊ THẢM NGUYÊN	Nữ	17/08/2001	2019	KV1	0.75					0.75	-
120	**424**	LÊ CHÍ NGUYỆN	Nam	20/11/2001	2020	KV2-NT	0.50			7.75	8	24.00	Trúng tuyển
121	**428**	LÊ NGUYỄN ĐẠT NHÂN	Nam	05/06/2002	2020	KV2	0.25			7	7.5	21.75	Trúng tuyển
122	**431**	NGUYỄN VĂN NHÂN	Nam	20/11/2004	2022	KV1	0.75					0.75	-
123	**437**	TRẦN MINH NHẬT	Nam	12/05/2003	2021	KV1	0.75			5.25	5.5	16.75	Trúng tuyển
124	**443**	HUỲNH QUẾ NHI	Nữ	23/12/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
125	**446**	HUỲNH CAO NGỌC NHI	Nữ	03/03/2003	2021	KV3	0.00			5.25	5.25	15.75	-
126	**457**	ĐÀO THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/01/2003	2021	KV2	0.25			3.75	3.5	11.25	-
127	**458**	PHAN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	07/09/2003	2021	KV2-NT	0.50			7.25	7.25	22.25	Trúng tuyển
128	**470**	LÂM TẤN PHÁT	Nam	08/02/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-
129	**471**	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	01/12/2003	2021	KV3	0.00			4	4	12.00	-
130	**472**	NGUYỄN HỒNG PHÁT	Nam	29/05/2001	2019	KV2-NT	0.50			5.5	5.5	17.00	Trúng tuyển
131	**486**	NGUYỄN THIÊN PHÚ	Nam	05/05/2001	2019	KV2-NT	0.50			7	7	21.50	Trúng tuyển
132	**495**	LƯU ĐẶNG KIM PHỤNG	Nữ	02/11/2003	2022	KV3	0.00			3.75	3.5	11.00	-
133	**498**	ĐỖ KIẾN PHƯỚC	Nam	13/07/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
134	**499**	VÕ MÃ KHANG PHƯỚC	Nam	27/08/2004	2022	KV3	0.00			8.25	7.75	24.25	Trúng tuyển
135	**507**	CAO LÊ THÀNH PHƯƠNG	Nam	23/09/2003	2021	KV3	0.00					0.00	-
136	**519**	NGUYỄN DUY QUANG	Nam	03/09/2004	2022	KV2	0.25			4	4	12.25	-
137	**526**	NGUYỄN TUẤN QUI	Nam	05/02/2004	2022	KV2-NT	0.50			3.25	3.75	10.75	-

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
138	**535**	LÊ THỊ MỸ QUYỀN	Nữ	25/12/2002	2022	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
139	**545**	TRẦN THỊ NGỌC SANG	Nữ	07/01/2002	2020	KV1	0.75			4	4	12.75	-
140	**547**	JEON SEONMIN	Nữ	28/05/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
141	**553**	CAO NGUYỄN HỮU TÀI	Nam	01/05/2003	2021	KV3	0.00			4	4	12.00	-
142	**554**	LÂM ĐẠI TÀI	Nam	12/12/2002	2021	KV1	0.75	06	1.00	7	7	22.75	Trúng tuyển
143	**556**	LÊ MINH TÀI	Nam	01/07/2004	2022	KV2-NT	0.50	06	1.00	7	7	22.50	Trúng tuyển
144	**567**	BÙI HÀ CHÍ TÂM	Nam	02/06/2004	2022	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
145	**569**	NGUYỄN DƯƠNG MINH TÂM	Nam	03/11/2001	2019	KV1	0.75			7	7.5	22.25	Trúng tuyển
146	**570**	NGUYỄN THÀNH TÂM	Nam	24/06/2004	2022	KV2-NT	0.50			3.75	4	12.00	-
147	**574**	HUỲNH KIẾN TÂN	Nam	19/09/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
148	**579**	NGUYỄN KIỀU TIÊN	Nữ	29/11/2003	2022	KV2	0.25					0.25	-
149	**583**	PHAN TRẦN THANH TIẾN	Nam	29/05/2004	2022	KV2	0.25			5.5	5.5	16.75	Trúng tuyển
150	**584**	VŨ DUY MINH TIẾN	Nam	24/04/2004	2022	KV1	0.75			7	7	21.75	Trúng tuyển
151	**589**	ĐẶNG NGỌC TOÀN	Nam	20/02/2001	2019	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
152	**596**	LƯU VĂN TUẤN	Nam	25/02/2004	2022	KV2	0.25			5.25	5.25	16.00	-
153	**598**	NGUYỄN THANH TUẤN	Nam	06/03/2004	2022	KV2-NT	0.50			7	7.5	22.00	Trúng tuyển
154	**601**	TRẦN THANH TÙNG	Nam	05/06/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
155	**607**	HUỲNH HỮU THÁI	Nam	20/07/2003	2021	KV2-NT	0.50					0.50	-
156	**608**	SƠN HOÀNG THÁI	Nam	29/11/2003	2021	KV1	0.75	6	1.00			1.75	-
157	**613**	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG THANH	Nữ	31/08/2002	2020	KV2	0.25			8	8.5	24.75	Trúng tuyển
158	**638**	LÊ NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	21/07/2004	2022	KV1	0.75			3.5	4	11.75	-
159	**644**	HUỲNH BÁ THIỆN	Nam	07/08/2002	2020	KV2-NT	0.50					0.50	-
160	**645**	TRƯƠNG ĐỨC THỊNH	Nam	20/10/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
161	**647**	LÂM NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	27/11/2004	2022	KV3	0.00			4	4	12.00	-

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
162	**649**	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	13/07/2003	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
163	**656**	NGUYỄN CHÁNH THUẬN	Nam	05/01/2001	2019	KV3	0.00			5	5	15.00	-
164	**661**	PHẠM THỊ THÚY	Nữ	05/02/2004	2022	KV2	0.25					0.25	-
165	**669**	BÙI NGỌC MINH THƯ	Nữ	30/05/2003	2021	KV2	0.25			4	4	12.25	-
166	**674**	TRẦN NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	12/03/2004	2022	KV1	0.75			5.25	5	16.25	-
167	**682**	NGÔ THỊ KIỀU THƯƠNG	Nữ	04/08/2003	2021	KV1	0.75			3	3.25	10.00	-
168	**683**	ĐỖ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	27/07/2004	2022	KV1	0.75			7.25	7.25	22.50	Trúng tuyển
169	**686**	NGUYỄN VÕ ANH THY	Nữ	30/08/2004	2022	KV1	0.75			7.25	7.25	22.50	Trúng tuyển
170	**687**	NGUYỄN DIỄM THY	Nữ	20/03/2002	2020	KV3	0.00			4.25	4	12.50	-
171	**807**	TRỊNH VÕ SONG TOÀN	Nam	07/02/2004	2021	KV1	0.75					0.75	-
172	**695**	LÊ THỊ HỒNG TRANG	Nữ	29/08/2004	2022	KV2	0.25			5.25	5.25	16.00	-
173	**696**	LÊ NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	03/10/2002	2020	KV2	0.25			5.5	5.5	16.75	Trúng tuyển
174	**697**	NGUYỄN THỊ ĐÀI TRANG	Nữ	01/01/2004	2022	KV3	0.00			7	7.25	21.25	Trúng tuyển
175	**700**	ARVY ROLAND YRVETH (ĐẶNG NGUYỄN HỒNG TRANG)	Nữ	05/11/1988	2007	KV3	0.00					0.00	-
176	**704**	ĐINH LÊ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	13/04/2003	2021	KV3	0.00					0.00	-
177	**711**	ĐẶNG DƯƠNG NGUYÊN TRÂN	Nữ	16/10/2003	2021	KV3	0.00			4	4	12.00	-
178	**712**	HỒ THỊ HUỲNH TRÂN	Nữ	02/07/2004	2022	KV2-NT	0.50			4	4	12.50	-
179	**718**	NGUYỄN TẤN HOÀNG TRIỀU	Nam	21/07/2002	2020	KV2-NT	0.50			5.5	5.5	17.00	Trúng tuyển
180	**724**	NGÔ THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	13/11/2003	2022	KV2	0.25					0.25	-
181	**725**	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Nam	10/03/2004	2022	KV3	0.00			7	7	21.00	Trúng tuyển
182	**727**	TRỊNH THANH TRÚC	Nữ	18/05/1998	2016	KV1	0.75			3.75	4	12.25	-
183	**728**	ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	25/11/2003	2021	KV2	0.25					0.25	-
184	**747**	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	29/09/2003	2021	KV3	0.00					0.00	-
185	**748**	CAO THIÊN VĂN	Nam	29/08/2003	2021	KV2-NT	0.50			7	7	21.50	Trúng tuyển

STT	SBD	HỌ	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	KV	Điểm ƯTKV	ĐT	Điểm ƯTĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 16,5)
							(1)		(2)	(3)	(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)	
186	**751**	VÕ THỊ THÚY VÂN	Nữ	20/07/2003	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
187	**755**	CAO UYÊN VI	Nữ	08/12/2003	2021	KV1	0.75			3.5	3.75	11.50	-
188	**761**	THÁI QUANG VINH	Nam	07/03/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
189	**766**	PHẠM LÊ VŨ	Nam	11/10/2004	2022	KV2	0.25			7	7	21.25	Trúng tuyển
190	**767**	TRẦN ANH VŨ	Nam	14/12/2003	2021	KV1	0.75					0.75	-
191	**769**	VŨ ĐỨC VƯƠNG	Nam	13/10/2001	2020	KV3	0.00			8	7.5	23.50	Trúng tuyển
192	**770**	MÃ QUỐC VƯỢNG	Nam	30/11/2003	2021	KV1	0.75			4	4	12.75	-
193	**782**	NGUYỄN THANH VY	Nữ	11/04/2003	2021	KV3	0.00			7.25	7	21.50	Trúng tuyển
194	**783**	MAI LÊ VY	Nữ	14/05/2002	2020	KV2	0.25	01				0.25	-
195	**784**	VÕ THỊ THANH XUÂN	Nữ	03/06/2001	2019	KV2	0.25			4	4.5	12.75	-
196	**787**	LÊ NGỌC XUÂN	Nữ	06/03/2004	2022	KV3	0.00					0.00	-
197	**788**	VÕ THỊ THANH XUÂN	Nữ	05/11/2004	2022	KV2-NT	0.50					0.50	-
198	**789**	LÊ THỊ MỸ XUYÊN	Nữ	10/12/2004	2022	KV2-NT	0.50			4	3.75	12.25	-
199	**793**	NGUYỄN TRƯƠNG NHƯ Ý	Nữ	09/04/2003	2021	KV3	0.00			7	7.25	21.25	Trúng tuyển
200	**795**	TRẦN VĂN Ý	Nam	15/03/2004	2022	KV3	0.00			4	4.5	12.50	-
201	**806**	DƯƠNG HUỲNH KIM YẾN	Nữ	24/11/2004	2022	KV3	0.00			7.25	7.25	21.75	Trúng tuyển

Danh sách: 201
Nam: 112
Nữ: 89

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022